

Bản án số: 52/2018/HNGĐ-ST  
Ngày 23-11-2018  
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lương Thị Hải Hà.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Giang Văn Thảo

Ông Ngô Chí L

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải An.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hải An tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Tiến Ninh - Kiểm sát viên.

Ngày 23/11/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 237/2018/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 9 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2018/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2018/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thu T, sinh năm 1977; đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 22/94 L, phường G, quận Ng, Hải Phòng; nơi ở: Số 29A/17/52 B, phường Đ1, quận H, Hải Phòng; có mặt.

*2. Bị đơn:* Anh Nguyễn Khánh TN, sinh năm 1973; đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 22/94 L, phường G, quận Ng, Hải Phòng; nơi ở: Số 29A/17/52 B, phường Đ1, quận H, Hải Phòng; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 9 năm 2018 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là chị Nguyễn Thu T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Khánh TN kết hôn vào năm 2003, trên cơ sở tự nguyện, được sự đồng ý của hai bên gia đình. Anh chị có tổ chức lễ cưới theo phong tục cổ truyền và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Gia Viên, quận Ngõ Quyền, Hải Phòng vào ngày 19/3/2003.

Sau khi kết hôn, anh chị về chung sống cùng gia đình nhà chồng tại địa chỉ: Số 22/94 L, phường G, quận Ng, Hải Phòng. Đến năm 2013, cả gia đình chị ra ở riêng và chuyển về cư trú tại: Số 29A/17/52 B, phường Đ1, quận H, Hải Phòng cho đến nay. Thời gian chung sống, anh chị hạnh phúc trong khoảng thời gian 10 năm đầu, đến năm 2013 thì giữa hai vợ chồng nảy sinh nhiều bất đồng về suy nghĩ, tính cách cũng như quan điểm sống khiến hôn nhân không thực sự hạnh phúc. Về phía anh TN luôn nghi ngờ, không tin tưởng vợ trong các mối quan hệ làm ăn, kinh doanh mặc dù chị đã nhiều lần giải thích nhưng anh vẫn không thay đổi quan điểm cá nhân. Thái độ của anh đối với chị đã khiến cuộc sống hôn nhân ngày càng rạn nứt. Anh chị thường xuyên xảy ra cãi nhau, cuộc sống ngày càng trở nên mệt mỏi, ngột ngạt. Bên cạnh đó, do tính chất công việc anh TN thường đi sớm, về muộn, thiếu sự chăm lo đến gia đình cũng như quan tâm, chia sẻ với vợ. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng từ năm 2015, đến đầu năm 2018, anh chị sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau về mọi mặt của đời sống.

Chị T nhận thấy bản thân không còn tình cảm, cuộc sống hôn nhân nhiều năm không có hạnh phúc, mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng đã không còn khả năng hàn gắn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh TN để sớm ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung Nguyễn Khánh L, sinh ngày 12/9/2003 và Nguyễn Khánh Vũ, sinh ngày 09/11/2009. Ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Nguyễn Khánh V và để anh TN trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Nguyễn Khánh L đến khi trưởng thành. Tiền cấp dưỡng nuôi con, anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với TN bộ yêu cầu khởi kiện của chị T, trong quá trình tố tụng, từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh TN để làm rõ mâu thuẫn giữa anh và chị T cũng như quan điểm của cá nhân chị đối với các vấn đề hôn nhân, con chung và tài sản chung nhưng anh TN đều vắng mặt không có lý do. Vì vậy, không có quan điểm của anh TN liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên có ý kiến: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử tiến hành nghị án, đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận TN bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định: Anh Nguyễn Khánh TN mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào quy định tại khoản 1, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn trong vụ án.

#### **[1] Về thẩm quyền:**

Yêu cầu về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn của chị Nguyễn Thu T là tranh chấp Hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Nguyễn Khánh TN hiện đang cư trú tại số nhà 29A/17/52 B, phường Đ1, quận H, Hải Phòng. Do đó, Tòa án nhân dân quận Hải An thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

#### **[2] Về hôn nhân:**

Việc kết hôn giữa chị Nguyễn Thu T và anh Nguyễn Khánh TN tuân theo các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên là hôn nhân hợp pháp. Cuộc sống hôn nhân của anh chị theo xác nhận từ gia đình và địa phương không có hạnh phúc, phát sinh mâu thuẫn từ nhiều năm nay. Gia đình hai bên đã nhiều lần hòa giải nhưng không có kết quả. Cả hai đã sống ly thân từ đầu năm 2018, không còn quan tâm đến nhau về mọi mặt của đời sống.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập nhiều lần nhưng anh TN có thái độ không hợp tác, vắng mặt không có lý do. Điều đó cho thấy, anh TN không còn thực sự quan tâm đến tâm tư, nguyện vọng của chị T, không mong muốn vợ chồng cùng khắc phục mâu thuẫn để tiếp tục chung sống.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa hai anh chị đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, theo quy định tại các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu khởi kiện của chị T là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Con chung Nguyễn Khánh L có nguyện vọng được ở với bố; con chung Nguyễn Khánh V có nguyện vọng được ở với mẹ. Thực tế, tính chất

công việc của anh TN không cố định về thời gian, thường đi sớm, về muộn, không có thời gian để có thể chăm lo đầy đủ cho con chung. Cháu L hiện đang học cấp ba, đã tự chủ được trong sinh hoạt thường ngày; cháu V còn nhỏ, đang học cấp 1, việc sinh hoạt và học tập của cháu vẫn một phần phụ thuộc vào bố mẹ, chưa thể hoàn TN độc lập, tự sắp xếp. Vì vậy, xét thấy giao cháu V cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc và giao cháu L cho anh TN trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc sẽ đảm bảo điều kiện sinh hoạt và học tập phù hợp cho các cháu.

Do đó, yêu cầu về trực tiếp nuôi dưỡng con chung của chị T là có căn cứ, phù hợp với điều kiện hoàn cảnh sống hiện tại của con chung nên được chấp nhận theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tiền cấp dưỡng nuôi con, anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị T và anh TN tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Các Điều 35, 39, 147, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

- Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thu T được ly hôn với anh Nguyễn Khánh TN.

- Về con chung: Giao con chung Nguyễn Khánh Vũ, sinh ngày 09/11/2009 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; giao con chung Nguyễn Khánh L, sinh ngày 12/9/2003 cho anh TN trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về án phí:

Chị Nguyễn Thu T phải chịu 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Chị T đã nộp đủ số tiền trên theo Biên lai thu số 0016589 ngày 17 tháng 9 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải An.

- Về quyền kháng cáo:

Chị T có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Anh TN có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND quận Hải An;
- Chi cục THA DS quận Hải An;
- UBND phường Gia Viên, quận Ngô Quyền, HP
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Lương Thị Hải Hà**

***Nơi nhận:***

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND quận Hải An;
- Chi cục THA DS quận Hải An;
- Công an quận Hải An;
- Bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Lương Thị Hải Hà**

